

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**



**TÓM TẮT
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

(TÀI LIỆU PHỔ BIẾN CHO CÁN BỘ VÀ SINH VIÊN TRONG TRƯỜNG)

HUẾ, 2016

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



SỨ MẠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC HUẾ CÓ SỨ MẠNG ĐÀO
TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO; NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ
ỨNG DỤNG VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN VÀ
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC.

Phần I

TỔNG QUAN CHUNG

Chương 1

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của cơ sở giáo dục, đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1.1.2. Kiểm định chất lượng giáo dục

Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục.

1.1.3. Tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình cơ sở giáo dục tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để cơ sở giáo dục tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

1.1.4. Đánh giá ngoài

Đánh giá ngoài là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để xác định mức độ cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

1.2. Mục đích và nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục

1.2.1. Mục đích

KĐCLGD nhằm góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục; xác nhận mức độ cơ sở giáo dục đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định; làm căn cứ để cơ sở giáo dục đại học giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

1.2.2. Nguyên tắc

Việc KĐCLGD phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;
- Trung thực, công khai, minh bạch;
- Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

1.3. Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục

1.3.1. Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục

Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục gồm các bước:

- Cơ sở giáo dục tiến hành tự đánh giá.
- Cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá ngoài với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đề nghị xem xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.
- Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tiến hành đánh giá ngoài.
- Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

1.3.2. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục

Kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện theo chu kỳ 5 năm/lần

1.4. Quyền lợi và trách nhiệm

1.4.1. Quyền lợi

- Kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng được công bố công khai.
- Kết quả kiểm định chất lượng có giá trị trong 5 năm.
- Được ưu tiên, duyệt cấp các quỹ khuyến khích nâng cao chất lượng và phê chuẩn các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

1.4.2. Trách nhiệm

Có trách nhiệm thường xuyên duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Sau 2 năm kể từ ngày được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, trường phải tổ chức tự đánh giá giữa kỳ và báo cáo cho Hội đồng kiểm định chất lượng.

1.5. Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục

1.5.1. Bộ tiêu chuẩn

Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2007.

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học gồm 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí cụ thể như sau :

Tiêu chuẩn	Nội dung	Số tiêu chí
Tiêu chuẩn 1	Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	2
Tiêu chuẩn 2	Tổ chức và quản lý	7
Tiêu chuẩn 3	Chương trình đào tạo	6
Tiêu chuẩn 4	Hoạt động đào tạo	7
Tiêu chuẩn 5	Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	8
Tiêu chuẩn 6	Người học	9
Tiêu chuẩn 7	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	7
Tiêu chuẩn 8	Hoạt động hợp tác quốc tế	3
Tiêu chuẩn 9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	9
Tiêu chuẩn 10	Tài chính và quản lý tài chính	3
Tổng cộng		61

1.5.2. Mức đánh giá

Mỗi tiêu chí có 2 mức đánh giá: ĐẠT hoặc CHƯA ĐẠT

1.5.3. Điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

Trường đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng khi có ít nhất 80% số tiêu chí ĐẠT yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 01 tiêu chí đạt yêu cầu (theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục).

1.6. Quá trình triển khai công tác Tự đánh giá

Thời gian: Từ tháng 02/2016 đến tháng 9/2016

Kế hoạch Tự đánh giá:

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành
1	Thành lập Hội đồng Tự đánh giá	27/01/2016
2	Thành lập Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách	18/02/2016
3	Lập kế hoạch Tự đánh giá	19/02/2016
4	Các nhóm công tác chuyên trách tiến hành Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn được phân công	02-07/2016
5	Dự thảo Báo cáo Tự đánh giá lần 1, lần 2	29/8/2016
6	Hoàn chỉnh Báo cáo Tự đánh giá	28/09/2016

Chương 2

THÔNG TIN CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1. Thông tin chung

*** Tên trường:**

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

Tiếng Anh: Hue University College of Sciences

*** Tên viết tắt của trường:**

Tiếng Việt: Trường ĐHKH Huế

Tiếng Anh: HUSC

*** Tên trước đây:** Trường Đại học Tổng hợp Huế

*** Cơ quan/Bộ chủ quản:** Đại học Huế / Bộ Giáo dục và Đào tạo

*** Địa chỉ Trường:** 77 Nguyễn Huệ - Thành phố Huế

*** Thông tin liên hệ:** Điện thoại: 054.3823290 Số fax: 054. 3824901

E-mail: nckhcn@gmail.com

Website: <http://www.husc.edu.vn>

*** Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):**

+ Sau khi thống nhất đất nước, ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 426/CP thành lập Trường Đại học Tổng hợp Huế trên cơ sở hợp nhất Đại học Khoa học và Đại học Văn khoa của Viện Đại học Huế.

+ Ngày 04/4/1994 theo quyết định số 30/CP của Thủ tướng Chính phủ, Đại học Huế được thành lập, Trường Đại học Tổng hợp Huế trở thành một thành viên của Đại học Huế và đổi tên thành Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế.

*** Thời gian bắt đầu đào tạo khoá I:** Tháng 9 năm 1977.

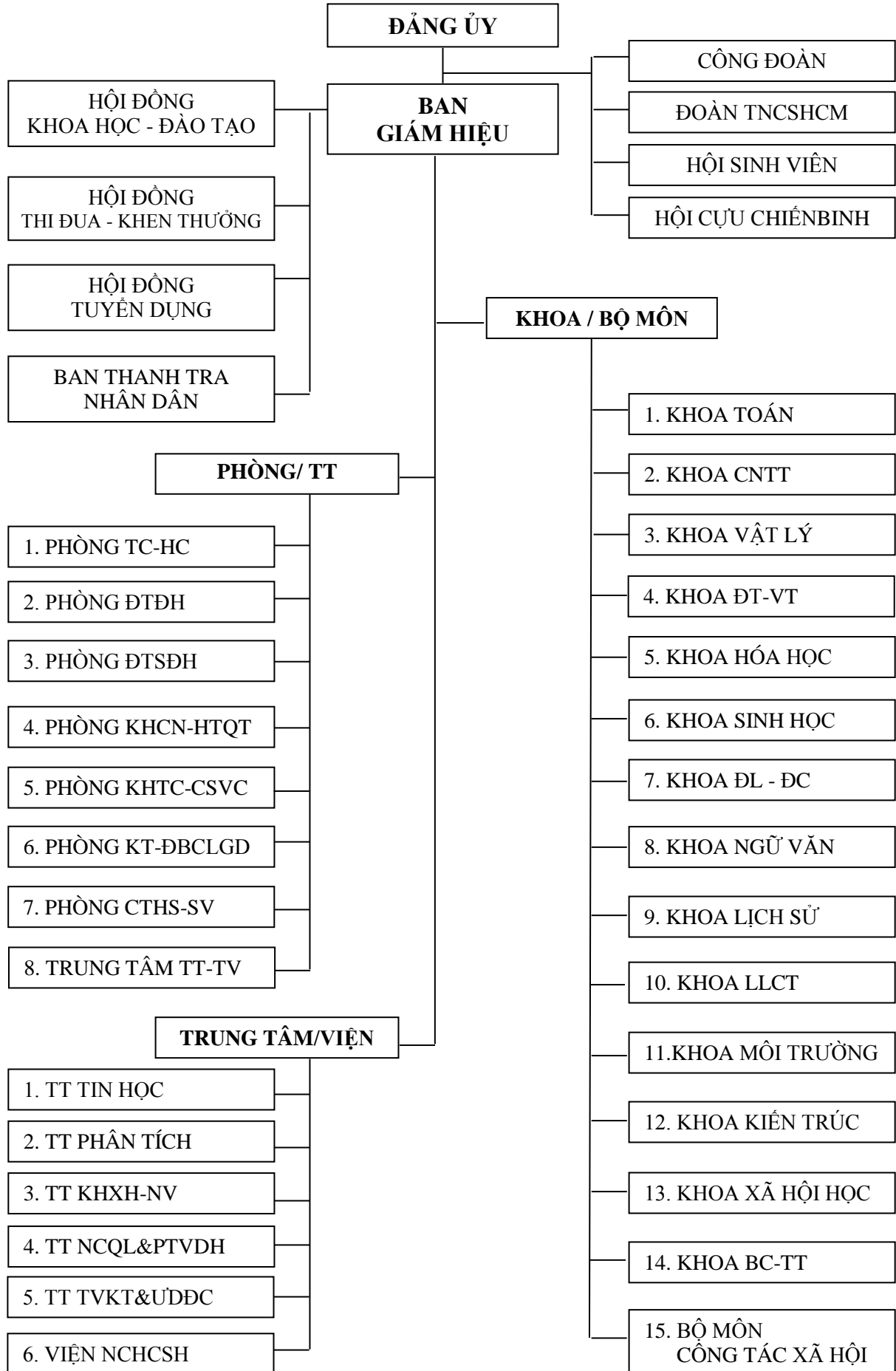
*** Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:** Tháng 6 năm 1981

*** Loại hình trường đào tạo:** Công lập.

*** Các ngành/chuyên ngành đào tạo:**

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sỹ: 17
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sỹ: 24
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 24

2.2. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường



2.3. Đội ngũ cán bộ

Tính đến thời điểm báo cáo tháng 7/2016, đội ngũ cán bộ cơ hữu của Nhà trường là 443, trong đó có 314 giảng viên và 129 kỹ thuật viên, nhân viên.

2.3.1. Thống kê đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	2	0,64	2					1	1
2	Phó Giáo sư	42	13,38	32	10		1	4	26	11
3	Tiến sỹ	68	21,66	50	18		30	18	15	5
4	Thạc sỹ	172	54,77	91	81	36	106	14	16	
5	Đại học	30	9,55	13	17	21	7	1	1	
	Tổng	314	100	188	126	57	144	37	59	17

2.3.2. Thống kê đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)		
				Nam	Nữ	< 35	35-45	41-50
1	Tiến sỹ	1	0,78	1				
2	Thạc sỹ	28	21,71	9	19			
3	Đại học	71	55,04	24	47			
4	Khác	29	22,48	10	19			
	Tổng	129	100	44	85	59	46	24

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 314
- Giảng viên thỉnh giảng: 118
- Số lượng giảng viên quy đổi: 409,2
- Tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên: 90,45 %
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 70,88 %

2.4. Người học

Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Nghiên cứu sinh	24	51	60	57	59
2. Học viên cao học	277	326	301	302	255
3. Sinh viên đại học					
Hệ chính quy	1.493	1.063	1.319	2.082	1.814
Hệ không chính quy	145	165	334	154	338
4. Trung học phổ thông	89	59	211	42	55

Tổng số người học chính quy: $6.278 + 557 + 176 = 7.011$

Tổng số người học quy đổi: $6.278 + 557*1,5 + 176*2 = 7.465,5$

Tỷ lệ người học trên giảng viên (sau khi quy đổi): $7.465,5/409,2 = 18,24$

2.5. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

2.5.1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0			2	2	1	10
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	17	15	17	20	16	85
3	Đề tài cấp trường	0,5	22	20	16	12	15	42,5
	Tổng		39	35	35	34	32	137,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tổng số đề tài quy đổi: 143,5

2.5.2. Số lượng sách của Nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Sách chuyên khảo	2,0	6	3	6	6	13	68
2	Sách giáo trình	1,5	2	10	15	12	4	64,5
3	Sách tham khảo	1,0	7	23	6	20	4	60
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	1	0	0,5
	Tổng		15	36	27	39	21	193

Tổng số sách quy đổi: 193

2.5.3. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Tạp chí quốc tế	1,5	17	17	36	36	42	222
2	Tạp chí cấp ngành trong nước	1,0	85	130	95	122	118	550
3	Tạp chí/ Tập san cấp trường	0,5	18	27	35	62	43	92,5
4	Tổng		120	174	166	220	203	864,5

Tổng số bài đăng tạp chí quy đổi: 864,5

2.6. Cơ sở vật chất, thư viện

2.6.1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất sử dụng của Trường: 35.699 m²
 - + Nơi làm việc: 2.500 m²
 - + Nơi học: 9.445 m²
 - + Nơi vui chơi giải trí: 3.800 m²

- Phòng học, phòng thí nghiệm:
 - + Số lượng phòng học, phòng thí nghiệm: 119
 - + Tổng diện tích phòng học, phòng thí nghiệm: 9.445 m²
 - + Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 1,50m²/SV
- Tổng số máy tính của trường: 350 máy
 - + Dùng cho hệ thống văn phòng: 150 máy
 - + Dùng cho sinh viên học tập: 200 máy

2.6.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.238 m²
- Số lượng nhan đề (đầu sách): 33.624
- Số lượng bản sách (cuốn): 117.837
- Số lượng nhan đề của Thư viện số: 5.370
- Số lượt bạn đọc truy cập Thư viện số năm 2015: 232.002
- Số thẻ thư viện cấp trung bình hàng năm: 1.163
- Số lượt phục vụ bạn đọc trung bình hàng năm: 76.000

Phần II

TÓM TẮT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

1.1. Điểm mạnh

Sứ mạng của Trường đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường và gắn kết với chiến lược phát triển KT-XH của địa phương và cả nước.

Mục tiêu của Trường phù hợp với sứ mạng được tuyên bố và mục tiêu đào tạo đại học theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học.

Mục tiêu của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời và được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

1.2. Tồn tại

Sứ mạng của Trường chưa được tuyên truyền, quảng bá rộng rãi đến các nhà sử dụng lao động trong khu vực và cả nước.

Việc tổ chức quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên của Nhà trường chưa được đầy đủ và kịp thời.

1.3. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Xây dựng kế hoạch quảng bá sứ mạng, hình ảnh của Nhà trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng nhằm giới thiệu các thông tin về Nhà trường đến các nhà sử dụng lao động và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Hàng năm, trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ năm học, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết và phổ biến đến từng đơn vị trong Nhà trường; yêu cầu các đơn vị quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị và triển khai thực hiện đúng thời hạn.

- Hoàn thiện và ban hành “Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030”.

2. Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

2.1. Điểm mạnh

Trường ĐHKH Huế có cơ cấu tổ chức thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học. Nhà trường có các quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Hệ thống văn bản tổ chức, quản lý điều hành của Nhà trường được áp dụng hiệu quả. Các chế độ báo cáo định kỳ được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và báo cáo được lưu trữ

đầy đủ. Các tổ chức Đảng, đoàn thể của Nhà trường hoạt động tuân thủ pháp luật, được đánh giá tốt. Nhà trường cũng đã thực hiện tốt việc xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 và các kế hoạch phát triển trung hạn, ngắn hạn để triển khai các hoạt động.

2.2. Tồn tại

Việc phổ biến văn bản chủ yếu dưới hình thức văn bản giấy nên chưa thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện. Nhà trường chưa có phần mềm quản lý và lưu trữ văn bản chuyên dụng.

Một số quy định về chức năng, trách nhiệm của cán bộ quản lý, nhân viên các phòng chức năng chưa được thông báo rộng rãi bằng văn bản.

Một số trung tâm nghiên cứu của Nhà trường chưa được hoàn thiện về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ nên hoạt động chưa đạt hiệu quả cao.

Số lượng cán bộ chuyên trách về đảm bảo chất lượng chưa đủ để đáp ứng các yêu cầu của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

Phong trào hoạt động đoàn thể giữa các đơn vị chưa đồng đều; một số Chi bộ, Công đoàn bộ phận và Chi đoàn chưa có sự đổi mới nội dung hoạt động.

Các đơn vị trực thuộc chưa chủ động xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn.

2.3. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trung tâm nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

- Điều chỉnh, bổ sung các chức năng của website để cập nhật hệ thống các văn bản về tổ chức và quản lý của Nhà trường nhằm phổ biến đến các cán bộ, giảng viên, sinh viên nhanh chóng, kịp thời.

- Đảng ủy Nhà trường sẽ chỉ đạo các tổ chức đoàn thể đổi mới về nội dung hoạt động, chú trọng đến sự đồng đều trong hoạt động giữa các đơn vị.

- Tuyển dụng thêm cán bộ có chuyên môn về đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng và triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường trong những năm tiếp theo.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn của đơn vị trên cơ sở kế hoạch định hướng phát triển của Nhà trường giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin điện tử nhằm số hóa tất cả các văn bản để thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu, trích xuất; đồng thời, phân quyền cho các đơn vị trong việc lưu trữ và sử dụng, tra cứu nội dung các báo cáo.

3. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

3.1. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Trường ĐHKH Huế được xây dựng theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT đã ban hành. Tất cả các CTĐT có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo. CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT của Nhà trường được thiết kế liên thông cho các hệ đào tạo, các trình độ đào tạo và các ngành đào tạo.

Tất cả các ngành học đều có chuẩn đầu ra quy định cụ thể kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp; kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ, hành vi sinh viên cần đạt được và vị trí khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa/Bộ môn.

3.2. Tồn tại

Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cựu sinh viên trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên và có hệ thống. Việc điều chỉnh chương trình đào tạo chưa tham khảo đầy đủ các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế, ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Các biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo cho CTĐT giáo dục thường xuyên có chất lượng như CTĐT chính quy chưa phù hợp.

Nhà trường chưa chuyển tải các văn bản quy định và kế hoạch đào tạo đối với loại hình đào tạo liên thông lên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

3.3. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cựu sinh viên một cách đầy đủ và thường xuyên khi xây dựng các CTĐT. Định kỳ 4 năm/lần.

- Ban hành quy định về quy trình điều chỉnh CTĐT. Trong đó, yêu cầu rõ việc điều chỉnh CTĐT phải tham khảo ý kiến của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người học đã tốt nghiệp nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

- Tổ chức hội nghị đánh giá về CTĐT giáo dục thường xuyên để tìm các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của hệ giáo dục thường xuyên.

- Tổ chức đánh giá tính liên thông của các CTĐT, xây dựng các tiêu chí chặt chẽ trong việc thiết kế CTĐT đảm bảo tính liên thông giữa các bậc đào tạo, hệ đào tạo và loại hình đào tạo, đồng thời chuyển tải đồng bộ thông tin, văn bản về CTĐT lên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

- Triển khai đánh giá CTĐT theo quy trình và Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT. Chỉ đạo Phòng KT-ĐBCLGD kết hợp với các Khoa/Bộ môn khảo sát ý kiến của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động làm cơ sở để đánh giá CTĐT.

4. Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

4.1. Điểm mạnh

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được tổ chức đúng các quy định, quy chế của Bộ GD&ĐT, Đại học Huế. Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Nhà nước và mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường đã đa dạng hóa các hình thức đào tạo như đại học hệ chính quy và hệ không chính quy, liên thông, đại học bằng 2 hệ chính quy và không chính quy để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà trường có các hình thức đào tạo đa dạng, đáp ứng yêu cầu của người học theo quy định.

Trong những năm qua, Nhà trường đã đổi mới phương pháp tổ chức đào tạo, chuyển đổi phương thức quản lý từ đào tạo theo hệ thống niên chế sang phương thức quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Công tác tổ chức và quản lý đào tạo của Nhà trường được thực hiện bằng văn bản pháp quy của Hiệu trưởng ban hành và các quy chế của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo đồng bộ, đầy đủ bao gồm cả hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy. Điều này đã thể hiện tính nghiêm túc trong công tác quản lý đào tạo, đảm bảo đúng pháp luật và các quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Nhà trường đã tổ chức tốt phương thức đào tạo hệ VLVH với các hình thức đại học, liên thông, bằng thứ 2 tại các địa phương, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đào tạo cán bộ cho đất nước. Công tác đổi mới phương pháp dạy và học cũng được Nhà trường chú trọng, từng bước thực hiện tốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác kiểm tra, đánh giá người học cũng được thực hiện theo hướng đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Kết quả học tập, văn bằng chứng chỉ của người học được lưu trữ an toàn, đầy đủ, đúng quy định và được đưa lên trang thông tin điện tử của Nhà trường kịp thời.

4.2. Tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng và triển khai các CTĐT chất lượng cao, CTĐT liên kết quốc tế.

Nhà trường chưa có quy định về việc công nhận kết quả học tập với các trường thành viên trong Đại học Huế và các trường đại học khác.

Hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được triển khai đồng bộ giữa các Khoa/Bộ môn. Việc tổ chức các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được tiến hành thường xuyên.

Nhà trường chưa thực hiện công tác thống kê, phân tích kết quả thi kết thúc học phần của sinh viên để đánh giá mức độ phù hợp của đề thi; hình thức thi vấn đáp và trắc nghiệm chưa nhiều. Công tác quản lý bài thi, chấm thi kết thúc học phần chưa tập trung nên tính khách quan còn chưa cao.

Kết quả đánh giá tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp chưa có sức thuyết phục do số lượng phiếu khảo sát thu được không nhiều. Nhà trường chưa tiến hành thường xuyên việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với sinh viên sau khi ra trường.

4.3. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Xây dựng và triển khai thực hiện từ 1 đến 2 CTĐT chất lượng cao và 01 CTĐT liên kết quốc tế cho một số ngành hoặc chuyên ngành đủ điều kiện.

- Xây dựng và ban hành quy định về việc công nhận kết quả học tập với các trường thành viên trong Đại học Huế và các trường đại học khác trên cả nước.

- Chỉ đạo các Khoa/Bộ môn tiếp tục triển khai hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy. Định kỳ tổ chức hội thảo cấp Trường về đổi mới phương pháp giảng dạy, qua đó rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình phù hợp, hiệu quả.

- Chỉ đạo Phòng KT-ĐBCLGD làm đầu mối triển khai công tác đánh giá chất lượng đề thi, từ đó có giải pháp khắc phục hợp lý; đồng thời tiếp tục triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi bằng hình thức trắc nghiệm và tổ chức thi vấn đáp một số học phần đủ điều kiện. Tổ chức quản lý bài thi, chấm thi kết thúc học phần tập trung tại phòng chức năng để đảm bảo tính thống nhất và khách quan.

- Phòng KT-ĐBCLGD sẽ đổi mới hình thức khảo sát, kết hợp với các Khoa/Bộ môn và giáo viên cố vấn trong việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp nhằm thu được kết quả khả quan hơn. Phối hợp với các đơn vị đào tạo triển khai hoạt động khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Chỉ đạo Phòng ĐTDH xây dựng quy định về việc điều chỉnh hoạt động đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu của xã hội trên cơ sở khảo sát ý kiến của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động. Định kỳ 2 năm/lần, bắt đầu từ năm học 2018-2019, các đơn vị đào tạo thực hiện việc rà soát, điều chỉnh hoạt động đào tạo.

5. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

5.1. Điểm mạnh

Để thực hiện mục tiêu xây dựng Trường ĐHKH Huế trở thành trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước mà đặc biệt là khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Nhà trường đã xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn cao và bảo đảm tính kế thừa.

Nhà trường đã có kế hoạch, quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý rõ ràng, minh bạch. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và năng lực đáp ứng được nhiệm vụ được giao, được bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình theo quy định.

Nhà trường có đủ số lượng giảng viên để thực hiện hoạt động đào tạo và NCKH. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường được đảm bảo về cơ cấu chuyên môn và trình độ. Các giảng viên có trình độ chuẩn theo quy định và được giảng dạy theo đúng chuyên môn. Nhà trường cũng đã tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

5.2. Tồn tại

Tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ trong quy hoạch cán bộ quản lý và tỷ lệ cán bộ hành chính được bồi dưỡng chuyên môn chưa hợp lý.

Nhà trường chưa có cán bộ chuyên trách công tác thanh tra, pháp chế.

Nhà trường chưa có các chính sách, biện pháp hỗ trợ nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ quản lý, giảng viên để đáp ứng yêu cầu hợp tác giảng dạy, trao đổi học thuật. Công tác đánh giá năng lực cán bộ quản lý chưa thực hiện thường xuyên. Giảng viên có trình độ tiến sỹ chưa đồng đều ở một số Khoa/Bộ môn và Tổ bộ môn. Một số giảng viên còn hạn chế về khả năng sử dụng ngoại ngữ, nhất là trong giao tiếp.

Kinh phí ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên chưa nhiều.

5.3. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cán bộ quản lý trên cơ sở trẻ hóa, quan tâm đội ngũ cán bộ nữ. Đồng thời Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cân đối về tỷ lệ giữa cán bộ giảng dạy và cán bộ hành chính. Triển khai nghiêm túc công tác đánh giá về tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác của cán bộ quản lý trong toàn trường.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, trao đổi chuyên môn với đối tác nước ngoài.

- Căn cứ đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc Đại học Huế phê duyệt, Nhà trường sẽ lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm, trong đó ưu tiên cho việc tuyển dụng các ứng viên có trình độ cao vào ngạch giảng viên; đồng thời khuyến khích giảng viên làm nghiên cứu sinh, đặc biệt là các Khoa/Bộ môn và Tổ bộ môn còn ít tiến sỹ. Ưu tiên chỉ tiêu để tuyển dụng cán bộ đảm nhiệm chuyên trách công tác thanh tra - pháp chế.

- Phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế trong việc bồi dưỡng Tiếng Anh cho giảng viên của Trường trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ 2020.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên với kinh phí hợp lý nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường.

6. Tiêu chuẩn 6: Người học

6.1. Điểm mạnh

Sinh viên luôn là nhân tố quan trọng trong quá trình đào tạo, vì vậy Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập và sinh hoạt. Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể hướng dẫn đầy đủ cho sinh viên về quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, chương trình và kế hoạch đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện. Nhà trường giải quyết tốt và kịp thời các chế độ, chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe cũng như tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, rèn luyện thể dục thể thao; đảm bảo an ninh, an toàn và tạo được môi trường lành mạnh cho sinh viên trong suốt quá trình tham gia học tập, sinh hoạt tại Trường.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện và kinh phí cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức các hoạt động phong trào thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Thông qua các hoạt động này đã góp phần rèn luyện phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, nhân cách, lối sống cho sinh viên; đồng thời làm tốt công tác phát triển Đảng trong sinh viên.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tạo điều kiện cho toàn thể sinh viên được tham gia đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên khi kết thúc học phần cũng như đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp. Nhà trường cũng đã tích cực thực hiện nhiều biện pháp tư vấn, hỗ trợ tạo cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

6.2. Tồn tại

Nhà trường chưa có kênh thông tin phổ biến trực tiếp các quy chế, hướng dẫn đào tạo đến từng gia đình của sinh viên. Chưa thành lập Trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên nhằm hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên một cách toàn diện trong các lĩnh vực học tập, rèn

luyện, tâm lý và tìm kiếm việc làm. Các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng sống cho sinh viên còn hạn chế.

Vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên chưa thực sự có ý thức phấn đấu, rèn luyện, còn tư tưởng “trung bình chủ nghĩa”, chưa thật sự tự giác tham gia các hoạt động tập thể. Còn một số ít sinh viên vi phạm Luật Giao thông đường bộ và Quy định về trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống sân bãi thể dục thể thao còn hạn chế về diện tích, chỉ đáp ứng được nhu cầu của sinh viên ở mức tối thiểu.

Nguồn học bổng tài trợ của các doanh nghiệp chỉ tập trung vào một số ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật, công nghệ theo yêu cầu của các nhà tài trợ.

6.3. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Xây dựng các chức năng bổ sung cho trang thông tin điện tử của Nhà trường để các phòng chức năng, các khoa và giáo viên cố vấn tương tác trực tiếp, cụ thể đến gia đình từng sinh viên.

- Thông qua các hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, Nhà trường sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên hiểu biết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước qua đó giảm thiểu số lượng sinh viên vi phạm pháp luật.

- Bên cạnh các hoạt động chung của Trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, Nhà trường sẽ chỉ đạo các Khoa/Bộ môn, các Liên chi đoàn cần đa dạng hóa nội dung và phương thức các hoạt động, nhằm tập hợp, thu hút toàn bộ sinh viên tham gia. Tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng kỹ năng sống cho sinh viên.

- Thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên nhằm tư vấn, hỗ trợ toàn diện cho người học.

- Nhà trường cùng các Khoa/Bộ môn tích cực tìm kiếm nguồn học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên, trong đó đặc biệt quan tâm đến học bổng cho sinh viên các ngành thuộc khối KHXX-NV.

- Hàng năm, Phòng KT-ĐBCLGD tiếp tục đổi mới phương thức khảo sát, đồng thời kết hợp với các Khoa/Bộ môn triển khai hoạt động khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu nâng cao tỷ lệ phản hồi, nhằm thu thập được đầy đủ thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp bằng phương pháp khảo sát trực tuyến.

7. Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

7.1. Điểm mạnh

Xác định NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ là nhiệm vụ rất quan trọng, Nhà trường đã xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp sứ mạng và định hướng phát triển. Các hoạt động NCKH đã được triển khai đúng kế hoạch, các đề tài, dự án được nghiệm thu đúng quy định với chất lượng cao. Kết quả của các đề tài, dự án NCKH gắn liền với việc giải quyết các vấn đề KT-XH của địa phương cũng như có những đóng góp mới cho khoa học. Chất lượng của các đề tài, dự án NCKH còn được thể hiện qua nhiều bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Các hoạt động NCKH của Nhà trường có sự gắn kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học khác.

7.2. Tồn tại

Hiện nay, Nhà trường chưa có nhiều các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành để thực hiện các dự án, đề tài lớn cấp Nhà nước hoặc các đề tài liên kết địa phương. Các cán bộ trẻ và người học chủ trì đề tài các cấp chưa nhiều. Số lượng đề tài, dự án cấp Nhà nước và đề tài liên kết với địa phương, vùng miền chưa nhiều. Số lượng bài báo thuộc khối ngành khoa học xã hội - nhân văn được công bố trên các tạp chí quốc tế còn thấp. Số đề tài NCKH gắn kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học khác và các doanh nghiệp chưa nhiều.

Nhà trường chưa có các phát minh, sáng chế có giá trị được đơn vị quản lý Nhà nước công nhận. Nhà trường chưa tạo được nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Chưa có các hoạt động cụ thể về quyền sở hữu trí tuệ.

7.3. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Tạo điều kiện nâng cao năng lực NCKH cho người học và cán bộ trẻ thông qua việc chủ trì các đề tài cấp Trường.
- Phòng KHCN-HTQT làm đầu mối tập hợp, xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành để thực hiện các dự án, đề tài lớn cấp Nhà nước hoặc các đề tài liên kết địa phương.
- Tăng cường hoạt động trao đổi, tiếp xúc giữa Lãnh đạo Trường cùng cán bộ nghiên cứu với các địa phương, đặc biệt là khu vực miền Trung-Tây Nguyên để nắm bắt nhu cầu xã hội, chọn hướng nghiên cứu phù hợp nhằm tăng số lượng đề tài được ký kết.
- Tạo điều kiện, khuyến khích động viên cán bộ, giảng viên khối ngành khoa học xã hội - nhân văn công bố các bài báo trên các tạp chí quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về KHCN giai đoạn 2016-2020, trong đó tiếp tục đầu tư các đề tài dự án mang tính ứng dụng gắn với giải quyết các vấn đề KT-XH của các địa phương, đặc biệt chú trọng các đề tài, dự án có khả năng cung cấp sản phẩm khoa học là các phát minh, sáng chế có giá trị.

- Xây dựng đề án thành lập các doanh nghiệp trực thuộc Trường để thương mại hóa các sản phẩm NCKH nhằm tạo nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước, các doanh nghiệp, các địa phương để đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, tăng số lượng đề tài NCKH, góp phần phát triển nguồn lực và quảng bá hình ảnh của Nhà trường.

- Thành lập bộ phận chuyên trách trực thuộc Phòng KHCN-HTQT có chức năng quản lý, tổ chức triển khai quyền sở hữu trí tuệ.

8. Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

8.1. Điểm mạnh

Trong xu thế hội nhập với giáo dục trong khu vực và thế giới, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến việc phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước trong các hoạt động hợp tác quốc tế. Thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế nhiều chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên được thực hiện; nhiều giảng viên trẻ nhận được học bổng sau đại học; cơ sở vật chất của Trường được cải thiện. Đồng thời, Nhà trường cũng đã có các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH, phát triển công nghệ đạt hiệu quả cao như: các đề tài, dự án nghiên cứu hợp tác với các đối tác quốc tế; tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế.

8.2. Tồn tại

Nhà trường chưa có các quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác quốc tế.

Nhà trường chưa có nhiều các dự án hợp tác NCKH trong các lĩnh vực khoa học cơ bản như Toán, Vật lý, Hóa học.

Hoạt động hợp tác quốc tế chưa được triển khai đồng đều ở tất cả các lĩnh vực, các ngành đào tạo, chưa đáp ứng mục tiêu đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực của Nhà trường.

8.3. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Chỉ đạo Phòng KHCN-HTQT xây dựng và ban hành quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác quốc tế.

- Tiến hành đánh giá mức độ hiệu quả đối với từng đối tác quốc tế, đồng thời lựa chọn thêm một số đối tác triển vọng để ưu tiên hướng hợp tác như:

+ Trao đổi sinh viên ngắn hạn: Đại học Tottori (Nhật Bản), Đại học Diak (Phần Lan).

+ Phối hợp nghiên cứu: Đại học Tottori, Đại học Tokyo, Đại học Shizuoka, Đại học Kumamoto, Đại học Kansai, Đại học Kyoto, Viện nghiên cứu môi trường quốc gia (Nhật Bản); Đại học San Jose (Mỹ); Đại học Nam Úc (Úc); Đại học Diak (Phần Lan); Đại học Chiangmai (Thái Lan); Đại học Bách Khoa Marche (Italia).

+ Đào tạo sau đại học: Đại học Thành Công (Đài Loan), Viện Khoa học và Kỹ thuật Nara (Nhật Bản), Đại học Diak (Phần Lan)...

+ Tạo điều kiện để cán bộ tham gia có hiệu quả dự án VLIR-IUC (Bi) do Đại học Huế chủ trì nhằm hỗ trợ CSVC cho các phòng thí nghiệm của các khoa Hoá học, Sinh học, Môi trường và tiếp tục tham gia giai đoạn hai của dự án.

- Chỉ đạo Phòng KHCN-HTQT xây dựng và triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế giai đoạn 2016-2020, trong đó chú trọng việc liên kết thực hiện các dự án ở các lĩnh vực khoa học cơ bản như Toán, Vật lý, Hóa học.

9. Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

9.1. Điểm mạnh

Tăng cường CSVC, các trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong hoạt động đào tạo và NCKH là một trong những nhiệm vụ mà Trường luôn quan tâm. Trường đã có Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020, định hướng quy hoạch phát triển Trường ĐHKH Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030.

Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các ngành đào tạo. Thư viện điện tử được nối mạng, đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên và sinh viên trong Nhà trường.

Nhà trường có đủ các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng làm việc cũng như các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Nhà trường cũng có các trang thiết bị, sân bãi, hội trường phục vụ cho hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên.

9.2. Tồn tại

Trung tâm thông tin Thư viện hiện nay chưa có công cụ thống kê tự động số lượng bạn đọc truy cập, tải tài liệu ở trang thông tin điện tử của Thư viện. Chưa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và người học về mức độ đáp ứng của Thư viện.

Do nguồn kinh phí của Nhà trường còn hạn chế, nên việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ của một số ngành đào tạo là khó thực hiện. Việc mua sắm các trang thiết bị và các phương tiện phục vụ học tập, giảng dạy, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các phòng học đa phương tiện mới đáp ứng ở mức đảm bảo nhu cầu cần thiết. Việc quản lý và sử dụng hệ thống phòng thí nghiệm và cơ sở thực hành giữa các đơn vị chưa hiệu quả. Một số Khoa/Bộ môn trực thuộc chưa có phòng sinh hoạt riêng của Tổ bộ môn.

Hệ thống wifi chưa phủ sóng toàn bộ diện tích của Nhà trường; hệ thống máy chủ đã cũ, chưa được nâng cấp.

Việc phát triển CSVC của Nhà trường phụ thuộc vào quy hoạch chung và sự phân cấp theo các dự án của Đại học Huế nên tính chủ động của Nhà trường chưa cao. Hiện tại, diện tích sử dụng đất của Nhà trường chưa đạt theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85.

Việc phổ biến các quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy đối với CBVC và người học chưa được tổ chức định kỳ. Chưa tiến hành kiểm tra việc thực hiện Luật PCCC tại các đơn vị.

9.3. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Thư viện sẽ tiến hành xây dựng công cụ thống kê tự động số lượng bạn đọc truy cập, tải tài liệu ở trang chủ của Thư viện và trang Tài nguyên số Dspace. Hàng năm, Thư viện phối hợp với Phòng KT-ĐBCLGD tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và sinh viên về mức độ đáp ứng của Thư viện.

- Khởi công xây dựng 02 công trình đã được phê duyệt: Khu thí nghiệm cơ bản (2016), Khu nhà làm việc các khoa và Trung tâm nghiên cứu & Ứng dụng KHCN (2017) nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy, học và NCKH của giảng viên và sinh viên.

- Tiếp tục thực hiện việc xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí phục vụ việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ hoạt động NCKH theo hướng tập trung, ưu tiên có trọng điểm.

- Tiến hành nâng cấp hệ thống wifi và máy chủ nhằm đáp ứng tốt hơn hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và công tác quản lý của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

- Có kế hoạch đầu tư kinh phí trang bị, bổ sung và nâng cấp trang thiết bị phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho sinh viên một cách tốt hơn.

- Tích cực làm việc với Đại học Huế cũng như Bộ GD&ĐT để giải quyết những tồn tại chưa được giải quyết trong việc phát triển CSVC theo Kế hoạch Chiến lược phát triển của Nhà trường.

- Hàng năm, Nhà trường phổ biến quán triệt đến toàn thể CBVC và người học các quy định về an toàn, PCCC thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm và trong Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên; đồng thời tiến hành kiểm tra việc thực hiện Luật PCCC ở các đơn vị.

10. Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

10.1. Điểm mạnh

Trường ĐHKH Huế là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Các nguồn thu được quản lý tập trung và được sử dụng tương đối hợp lý tùy theo khả năng tài chính hiện có và tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính. Nhà trường đã có kế hoạch tự chủ về tài chính thông qua các định hướng, kế hoạch chiến lược phát triển, có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, việc kiểm soát và sử dụng tài chính phù hợp với các quy định của Nhà nước, thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính công khai minh bạch và có hiệu quả.

10.2. Tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ còn thấp.

Công tác lập kế hoạch tài chính hàng năm của một số đơn vị chưa chính xác, dẫn đến việc phát sinh kinh phí trong quá trình triển khai.

Việc quyết toán, nghiệm thu các đề tài, công tác phí thường tập trung vào cuối năm, gây khó khăn cho bộ phận tài chính trong việc kiểm soát chứng từ và quyết toán, giải ngân với Kho bạc Nhà nước.

Chi đầu tư cho hoạt động đào tạo của các ngành thuộc khối khoa học xã hội còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

10.3. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tiến hành:

- Chỉ đạo Phòng KHTC-CSVC lập kế hoạch và đề ra các giải pháp nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

- Trên cơ sở nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị, Phòng KHTC-CSVC nghiên cứu đề xuất với Nhà trường tiếp tục thực hiện phương án giao khoán kinh phí hoạt động cho các đơn vị tự chủ (đã thực hiện hai năm 2015 và 2016 đối với các khoa về kinh phí quản lý sinh viên và mua sắm văn phòng phẩm).

- Phòng KHTC-CSVC tham mưu cho Nhà trường ban hành và áp dụng triệt để các quy định cụ thể về việc thanh quyết toán các khoản tạm ứng của cán bộ, viên chức.

- Điều chỉnh đầu tư kinh phí thỏa đáng hơn cho các ngành khoa học xã hội - nhân văn, nhất là các hoạt động thực tập, thực tế, mua tài liệu, giáo trình, xây dựng các phòng bảo tàng và nâng cấp trang thiết bị các phòng thực hành, thực tập.

11. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mã trường: DHT
Tên trường: Đại học Khoa học - Đại học Huế
Khối ngành:
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 30/9/2016



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu				Tiêu chuẩn 6: Người học			
1.1	Đ			6.1	Đ		
1.2	Đ			6.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý				6.3	Đ		
2.1	Đ			6.4	Đ		
2.2	Đ			6.5	Đ		
2.3	Đ			6.6	Đ		
2.4	Đ			6.7	Đ		
2.5	Đ			6.8	Đ		
2.6	Đ			6.9	Đ		
2.7	Đ			Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo				7.1	Đ		
3.1	Đ			7.2	Đ		
3.2	Đ			7.3	Đ		
3.3	Đ			7.4	Đ		
3.4	Đ			7.5	Đ		
3.5	Đ			7.6	Đ		
3.6	Đ			7.7	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
4.1	Đ			8.1	Đ		
4.2	Đ			8.2	Đ		
4.3	Đ			8.3	Đ		
4.4	Đ			Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
4.5	Đ			9.1	Đ		
4.6	Đ			9.2	Đ		
4.7		C		9.3	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên				9.4	Đ		
5.1	Đ			9.5	Đ		
5.2	Đ			9.6	Đ		
5.3	Đ			9.7		C	
5.4	Đ			9.8	Đ		
5.5	Đ			9.9	Đ		
5.6	Đ			Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
5.7	Đ			10.1	Đ		
5.8	Đ			10.2	Đ		
				10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí Đạt: 10; Số tiêu chí Đạt: 59 (96,72%)
- Số tiêu chí Chưa đạt: 02 (3,28%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (0,00%)

PHẦN III

KẾT LUẬN

Trường ĐHKH Huế đã triển khai công tác tự đánh giá một cách nghiêm túc, đúng quy định theo hướng dẫn của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch tự đánh giá, thành lập Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Ký hợp đồng cụ thể với các nhóm công tác chuyên trách để triển khai nhiệm vụ. Trong quá trình tự đánh giá, Nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực, các thành phần cùng tham gia, đóng góp ý kiến để hoàn thành báo cáo tự đánh giá; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên và sinh viên.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá trên tất cả các lĩnh vực, các mặt hoạt động dựa trên Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học gồm 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí của Bộ GD&ĐT. Từ kết quả của quá trình tự đánh giá, Nhà trường nắm bắt được thực trạng của các mảng hoạt động như tổ chức quản lý, đội ngũ cán bộ, chương trình và hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, CSVC, quản lý tài chính... Ở mỗi mảng hoạt động, Nhà trường đã chỉ rõ đâu là điểm mạnh, đâu là tồn tại để từ đó có cơ sở lập kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, hoàn thành sứ mạng đã công bố, giữ vững lòng tin của xã hội đối với Nhà trường.

Đặc biệt, qua hoạt động tự đánh giá đã nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, sinh viên trong Nhà trường về tầm quan trọng của công tác này đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, để từ đó hình thành và phát triển Văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

Thị Thiên Huế, ngày 28 tháng 9 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. HOÀNG VĂN HIỂN